

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2019
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thủy Tiên, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: ông Tạ Bá Nhịn, Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: bà **Lê Thị L**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị L trình bày: bà và ông Huỳnh Văn Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ ngày 15/7/2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, từ năm 2010 ông Đ sa vào tệ nạn rượu chè, cờ bạc, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ không khắc phục, làm kinh tế gia đình kiệt quệ, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Đ. Về con chung, có 02 người con là Lê Thị Kim N (nữ) sinh ngày 22/01/1999 và Huỳnh Hữu L2 (nam) sinh ngày 07/10/2010, bà yêu cầu nuôi cháu L2, không yêu cầu ông Đ cấp

đưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung do đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Phía bị đơn – ông Huỳnh Văn Đ trình bày: thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, con chung nhưng ông không đồng ý ly hôn do vẫn còn thương vợ con và giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Ông không đồng ý giao con chung là cháu L2 cho bà L nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định pháp luật về tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, giao con chung là cháu L2 cho bà L nuôi dưỡng; không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn Đ kết hôn từ năm 1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P vào năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 03/10/2018 bà L yêu cầu ly hôn và quyền nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý để giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Ông Đ và bà L có thời gian dài chung sống hạnh phúc, theo bà L trình bày thì mâu thuẫn phát sinh từ năm 2010 do ông Đ rượu chè, cờ bạc, gây kiệt quệ kinh tế gia đình. Phía ông Đ không thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn như lời khai của bà L và ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, giữa vợ chồng ông Đ, bà L đã phát sinh mâu thuẫn, ông Đ cho rằng bà L ngoại tình, bà L cho rằng ông Đ ghen tuông vô cớ, vợ chồng đã ly thân 04 năm, không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, dù đã nhiều lần được hòa giải nhưng tại phiên tòa bà L vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa bà L và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, kéo dài nhiều năm, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Bà L và ông Đ có 02 người con chung, trong đó Lê Thị Kim N (nữ) sinh ngày 22/01/1999 đã trưởng thành, nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Huỳnh Hữu L2 (nam) sinh ngày 07/10/2010, không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông Đ thống nhất việc nuôi con tùy theo ý kiến của con. Xét cháu L2 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu L2 cho bà L nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn, bị đơn đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu chia nợ chung là 03 chỉ vàng 24k mượn của bà Nguyễn Thị C (địa chỉ: ấp T, xã Tr, huyện L, thành phố Cần Thơ) và nợ tiền mua phân bón là 17.000.000 đồng của ông H (xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ), bà L đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ này. Tuy nhiên, do thỏa thuận về nợ chưa được Tòa án thụ lý nên Hội đồng xét xử không thể xem xét ghi nhận; các bên thực hiện theo sự tự thỏa thuận, trường hợp phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L với ông Huỳnh Văn Đ.

- *Về con chung*: Lê Thị Kim N (nữ) sinh ngày 22/01/1999 đã thành niên; giao Huỳnh Hữu L2 (nam) sinh ngày 07/10/2010 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ, không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không xem xét giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà L nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số AA/2016/005124 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- UBND xã N;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa